TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Hữu Lộc.

+ Ông Tô Đình Phương.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Chí T, SN: 1981
  Trú tại: thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, SN: 1986
  Trú tại: thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định
  (Anh T có mặt, chị N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn anh Phan Chí T trình bày:

Anh với chị Nguyễn Thị N kết hôn có tìm hiểu và trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2004 tại UBND xã C, huyện P. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc. Đến năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung và cũng từ thời gian này chị N bỏ đi về phía gia đình chị N ở thôn P, xã C, huyện P sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng các bên không thể hàn gắn tình cảm nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Anh với chị Nguyễn Thị N có 02 người con chung tên là Phan Minh V, sinh ngày 01/01/2004 và Phan Minh P, sinh ngày 28/12/2004. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường và đang ở với anh từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn anh xin nhận nuôi cháu P, riêng cháu V đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con đối với cháu V. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa:

Về tố tụng: việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của anh T kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt nên chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh T được ly hôn chị N, giao con chung là cháu Phan Minh P, sinh ngày 28/12/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Phan Chí T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của anh T được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Anh Phan Chí T với chị Nguyễn Thị N tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2004 tại UBND xã C, huyện P nên quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị N được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn anh Phan Chí T trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc. Đến năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung và cũng từ thời gian này chị N bỏ đi về phía gia đình chị N ở thôn P, xã C, huyện P sinh sống, vợ chồng chúng anh sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của anh Phan Chí T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra anh Phan Chí T với chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ năm 2010 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nhưng các bên không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên anh T yêu cầu giải quyết ly hôn chị N. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị N nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng chị N đều vắng mặt. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột chị N thì được biết chị N hiện nay đang cư trú và sinh sống cùng với gia đình của bà tại thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, gia đình bà xác định vợ chồng anh T, chị N phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2010. Việc chị Nữ không chấp hành sự triệu tập của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý từ việc không chấp hành sự triệu tập. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân

giữa anh T với chị N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[2.4]. Về con chung:

Anh Phan Chí T với chị Nguyễn Thị N có 02 người con chung tên là Phan Minh V, sinh ngày 01/01/2004 và Phan Minh P, sinh ngày 28/12/2004. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường và đang ở với anh T từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn anh T xin nhận nuôi cháu P, riêng cháu V đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con đối với cháu V. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu xin nuôi con của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển bình thường. Cháu P hiện tại đang ở với anh T, quen với cách sống và sinh hoạt tại gia đình anh T nên Hội đồng xét xử giao cháu Phan Minh P, sinh ngày 28/12/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng cháu V đã đủ 18 tuổi nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con đối với cháu V.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, anh Phan Chí T phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Chí T về việc yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Chí T được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phan Chí T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Minh P, sinh ngày 28/12/2004. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí DSST:

+ Án phí ly hôn: Anh Phan Chí T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Tuy nhiên, anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 00..... ngày ..... tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cát, nay được khấu trừ.

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND huyện Phù Cát (02b);*
- *Chi cục THADS huyện Phù Cát;*
- *UBND xã C, H. P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- *Lưu hồ sơ vụ án.* **Nguyễn Đức Minh**